

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 305/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 07, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Hà Văn T1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn X, xã G, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83; 110; 116; 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thu T và anh Hà Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Bích P, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2013 và cháu Hà Lâm G, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2018. Anh Hà Văn T1 cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 cháu/01 tháng kể từ tháng

10 năm 2024 cho đến khi cháu P, cháu G đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Hà Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2 Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số tiền AA/2024/0001046 ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (chị T đã nộp đủ tiền án phí).

Anh Hà Văn T1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP.Yên Bái;
- Chi cục THADS TP.Yên Bái;
- Đương sự (02);
- UBND TT.Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái,
- GCNKH số 72, ngày 19/11/2012;
- Lưu HS, TA, KT.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải